TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:40/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2021.
V/v:*"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hùng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đào Thị Duyên;
2. Bà Lưu Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Khổng Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021 về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXX - ST ngày 02 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tố T, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Khu phố H, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; *có mặt*.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1974; Địa chỉ: Khu phố H, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; *có mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tố T trình bày: Chị và anh T1 kết hôn năm 1994 có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố T ngày 18-12-2003. Vợ chồng chung sống do không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm do anh T1 ham mê cờ bạc bán đất nhiều lần chị khuyên ngăn không được. Từ sau lần hòa giải đầu tiên về nhà anh T1 hăm dọa đòi đánh nên chị bỏ về nhà mẹ ruột ở Hòa Thành sống cho đến nay. Chị đã cố gắng khắc phục hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được nên xin ly hôn với anh T1.

Về con chung: Có 02 cháu tên Nguyễn Văn T2, sinh ngày 02-02-2002 và Nguyễn Thị T3 sinh ngày 02-9-2005, cháu Thái đã trưởng thành tự lao động sinh

sống được nên không yêu cầu giải quyết, còn cháu T3ở với ai chị tôn trọng nguyện vọng của con nếu theo chị chị nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Anh xác nhận lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân năm đăng ký kết hôn là đúng; Vợ chồng chung sống không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm, anh thừa nhận có tham gia đánh bạc và bán tài sản đúng như chị T đã trình bày, trước đây anh đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, hiện tại chị T bỏ đi về nhà cha mẹ ruột sống khoảng hơn 01 tháng nay và không chịu phân chia tài sản nên anh thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 cháu đúng như chị T đã trình bày. Cháu T2 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết, còn cháu T3 ở với ai anh tôn trọng nguyện vọng của con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Theo anh T1 trình bày có 01 phần đất ngang 09m x dài 30m, trên đất có 01 căn nhà cấp 4. Nguồn gốc đất là do cha mẹ anh cho hai vợ chồng đứng tên, nhưng do trước đây cha mẹ cho nhiều đất anh bán hết không còn chỉ còn lại phần đất 09m sợ để anh đứng tên sẽ bán hết nên năm 2019 anh và vợ mới ra phòng công chứng thống nhất làm thủ tục để vợ và con trai anh đứng tên phần nhà đất này. Đất tọa lạc tại Khu phố H, phường N, thành phố T. Trước đây, anh yêu cầu chia đất này làm 04 phần, Tòa án đã giao Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản, anh cho rằng đất của vợ chồng nhưng khi chia tốn tiền nên anh không nộp tạm ứng án phí và không yêu cầu chia tài sản nữa.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX): Thẩm phán thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành và thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tố T, cho chị T được ly hôn với anh T1. Về con chung cháu Thái đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không xem xét giải quyết, cháu T3 có nguyện vọng sống với chị T nên giao cho chị T nuôi. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng. Tài sản chung không yêu cầu và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp, qua hòa giải và kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở tự nguyện và đi đến hôn nhân từ năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố T ngày 18-12-2003 nên hôn nhân của chị T, anh T1 là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị T và anh T1 đều xác định mâu thuẫn phát sinh là do không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, anh T1 ham mê cờ bạc bán đất nhiều lần chị T khuyên ngăn không được. Hiện tại, chị T vẫn cương quyết xin ly hôn, anh T1 không đồng ý.

Xét yêu cầu của anh T1 thấy rằng: Mục đích anh T1 không đồng ý ly hôn là vì lý do tài sản, cho rằng chị T không chịu chia tài sản cho anh. Qua xét hỏi tại Tòa, anh T1 trình bày, anh không đồng ý ly hôn không phải là để đoàn tụ, hàn gắn khắc phục tình cảm vợ chồng mà do chị T không chịu phân chia tài sản.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, yêu cầu của anh T1 mục đích là để kéo dài gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T

[2] Về con chung: Chị T, anh T1 xác định có 02 cháu tên Nguyễn Văn T2, sinh ngày 02-02-2002 và Nguyễn Thị T3 sinh ngày 02-9-2005, cháu Thái đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên hai anh chị không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu T3 có nguyện vọng được sống với chị T nên giao cháu cho chị T nuôi, chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Tố T xác định không có không yêu cầu giải quyết. Riêng anh Nguyễn Văn T1 cho rằng có tài sản chung là nhà đất nhưng không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tố T và anh Nguyễn Văn T1 xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tố T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tố T.

Chị Nguyễn Thị Tố T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị T3 sinh ngày 02-9-2005 cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Nguyễn Văn T2, sinh ngày 02-02-2002 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Tố T và anh Nguyễn Văn T1 không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tố T và anh Nguyễn Văn T1 xác định không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tố T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình, khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001170 ngày 29 tháng 01năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Anh Nguyễn Văn T1 không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thanh Hùng

Nơi nhận:
- Phòng KTNV -TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKS TP Tây Ninh;
- THADS TP Tây Ninh;
- UBND Phường N;
- Các đương sự;
- Lưu.